TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN T2
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày: 24-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đời và bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Xuân T, (Tên gọi khác: L); sinh ngày: 07/03/1990, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Số 66 đường Nguyễn Thiện K, phường A, quận S, TP Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Xuân Q, sinh năm 1930 và bà Trần Thị N (đã mất). Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2019. Hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

2. Đinh Văn T1, (Tên gọi khác: X); sinh ngày: 17/11/1995, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: K62/58 Nguyễn Phan V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng;

nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn L, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1972; gia đình có 04 chị, em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2019. Hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Ngô Linh N**, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 67 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Chị **Phạm Thị M *(B)***, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 67 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Anh **Phạm Quang T**, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 30 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

Ông **Lê Phi C**, sinh năm 1946; trú tại: Tổ 30 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 00 giờ 30 phút ngày 19/01/2019, tại K43/15 đường Nguyễn Văn T, quận S, TP Đà Nẵng, phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng trong lúc tuần tra kiểm soát phát hiện 02 đối tượng Trịnh Xuân T, Đinh Văn T1 điều khiển xe môtô BKS 43K4 – 4521 có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra phát hiện tại túi nhỏ của quần Jean phía trước bên phải của Trịnh Xuân T đang mặc có 01 gói nylông kích thước (4x8) cm có chứa chất tinh thể rắn màu trắng ký hiệu V. Ngoài ra còn phát hiện tại bao nylông đựng bánh mì treo ở móc bên trái của xe môtô BKS 43K4 – 4521 một gói nylông cũng kích thước (4x8) cm có chứa chất tinh thể rắn màu trắng ký hiệu N. T và T1 khai nhận đó là ma túy đá – Công an thành phố lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ cùng tang vật.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói nylông kích thước khoảng (4x8) cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng. Được niêm phong ký hiệu: V

- 01 (một) gói nylông kích thước khoảng (4x8) cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng. Được niêm phong ký hiệu: N

* Thu giữ của Đinh Văn T1:

- 01 (một) xe mô tô BKS 43K4-4521 (xe này T1 mượn của chị Phạm Thị M, tên gọi khác: B), đã được trao trả cho chị Phạm Thị M theo Quyết định xử lý vật chứng số 36/08.4.2019 của Cơ quan CSĐT Công an quận S;

- 01 (một) Chứng minh nhân dân số 201710348 mang tên Đinh Văn T1.

- 01 (một) điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, gắn sim: 0905733191, số Imel: 359929071825407, Imel 2: 359930071825405.

Tại Kết luận giám định số 21/GĐ-MT ngày 23/01/2019 của Phòng KTHS – CATP Đà Nẵng, kết luận:

Chất tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu V và N gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng tinh thể: V: 0,206 gam; N: 2,091 gam.

Qua điều tra xác định: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/01/2019, Đinh Văn T1 đi cùng một người phụ nữ tên Th (không rõ lai lịch) đến nhà Trịnh Xuân T tại số 66 Nguyễn Thiện K, TP. Đà Nẵng nhờ T mua giúp 2.200.000 đồng ma túy về sử dụng, T đồng ý giúp. Sau đó, T mượn điện thoại của Phạm Quang T (là con cô ruột ở cùng nhà) điện thoại cho T (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại: 0935535658 để hỏi mua ma túy, T đồng ý bán và hẹn đến phòng trọ của T giao dịch, sau đó, Thu đưa cho T 2.200.000 đồng *(Hai triệu hai trăm ngàn đồng)* để mua ma túy và nói T1 đi cùng với T, T1 đồng ý. T điều khiển xe mô tô gắn BKS: 43K4-4521 (xe này T1 mượn của chị Phạm Thị M (tên gọi khác: B) chở T1 đi đến Kiệt 252 đường Đỗ B, quận N, TP. Đà Nẵng thì dừng lại nói T1 đứng đợi bên ngoài, T đi vào phòng trọ của T2, gặp T2 giao dịch mua bán ma túy, T2 đưa T 01 (một) gói ma túy đá, nhưng T yêu cầu T2 chia làm hai gói. T2 đồng ý và chia thành hai gói ma túy đá, một gói lớn, một gói nhỏ rồi đưa cho T, T cất giữ một gói ma túy nhỏ trong túi quần (T tự xem số ma túy đó là công mình đi mua ma túy giùm Th và T1), còn gói

ma túy lớn thì T ra ngoài gặp và đưa cho T1 cất vào bao nylông có chứa bánh mì, sau đó, T1 cột bao nylông lại và giữ bên người, đi được một đoạn thì T1 chồm qua người T để treo lên móc trái của xe mô tô. Khi đi đến đoạn đường số K43/15 đường Nguyễn Văn T, TP. Đà Nẵng thì T, T1 bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Bản cáo trạng số 41/CT- VKS ngày 25/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo:

- Trịnh Xuân T về tội: *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự;

- Đinh Văn T1 về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và vai trò của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Đối với Trịnh Xuân T: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù giam.

- Đối với Đinh Văn T1: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng tù giam.

Do không xác minh được tài sản riêng của các bị cáo nên đề nghị HĐXX không áp dụng phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

* *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 21/GĐ-MT ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong có chứa 0,079 gam mẫu V; 1,606 gam mẫu N là khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, gắn sim: 0905733191, số Imel: 359929071825407, Imel 2: 359930071825405 của Đinh Văn T1.

- Tuyên trả cho Đinh Văn T1 và 01 (một) Chứng minh nhân dân số 201710348 mang tên Đinh Văn T1.

* Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị M, anh Ngô Linh N và anh Phạm Quang T và người chứng kiến anh Lê Phi C vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện lời khai của:

- Chị Phạm Thị M: Vào lúc 22 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2019, tôi đang nấu ăn tại nhà thì có cháu T1 hàng xóm qua mượn xe, chiếc xe này tôi mua của ông Ngô Linh N, sinh năm 1976, Tổ 64, phường T, thành phố Đà Nẵng vào năm 2018 với giá là 3.000.000 đồng. Khi mua bán tôi và ông N không làm thủ tục sang tên đổi chủ.

- Anh Ngô Linh N: Vào năm 1999, tôi là chủ sở hữu của chiếc xe máy nhãn LIFAN, BKS: 43K4-4521, màu nâu, số khung: XCG50XA028008, số máy: 99258584. Sau đó, vào tháng 11 năm 2018 tôi có bán chiếc xe máy này cho cô Phạm Thị M. Từ sau khi bán xe thì tôi không còn là chủ sở hữu của chiếc xe trên.

- Anh Phạm Quang T: Vào lúc 23h ngày 18 tháng 01 năm 2019, tôi đang ở nhà số 66 Nguyễn Thiện K, phường A, quận S thì anh T có mượn điện thoại của tôi để gọi điện thoại thì tôi đồng ý. Sau khi anh T gọi điện thoại cho một ai đó thì anh T có trả lại điện thoại cho tôi.

- Anh Lê Phi C: Tôi đã chứng kiến toàn bộ quá trình Cơ quan Công an phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với anh Trịnh Xuân T và Đinh Văn T1.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Ngô Linh N, anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị M vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Trịnh Xuân T và Đinh Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Để có ma túy sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân, vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 18/01/2019, đối tượng tên Thu và Đinh Văn T1 đã nhờ Trịnh Xuân T mua giúp 2.200.000 đồng ma túy về để sử dụng. T đồng ý và đến tại Kiệt 252 Đỗ B, quận N mua tổng cộng 2,297g ma túy loại Methamphetamine với giá 2.200.000 đồng. Sau khi mua ma túy, T nhờ T2 (không rõ lai lịch) chia thành 02 gói nhỏ, 01 gói có khối lượng: 0,206gam; 01 gói có khối lượng: 2,091 gam. T cất giữ một gói ma túy nhỏ trong túi quần (T tự xem số ma túy đó là công mình đi mua ma túy giùm Thu và T1), còn gói ma túy lớn thì T ra ngoài gặp và đưa cho T1 cất vào bao nylông có chứa bánh mì, sau đó, T1 cột bao nylông lại và giữ bên người, đi được một đoạn thì T1 chồm qua người T để treo lên móc trái xe mô tô. Đến 00 giờ 30 phút ngày 19/01/2019, khi đi đến đoạn đường số

K43/15 đường Nguyễn Văn T, TP. Đà Nẵng thì T, T1 bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Do đó, Cáo trạng số 41/CT- VKS ngày 25/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trịnh Xuân T về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* khoản 1 Điều 251 BLHS và bị cáo Đinh Văn T1 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Ma túy là một loại độc dược gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy nhà nước ta nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt sử dụng trái phép các chất ma túy, nếu ai vi phạm một trong các quy định trên, gây hậu quả nghiêm trọng đều bị pháp luật trừng trị và xử lý. Các bị cáo Trịnh Xuân T và Đinh Văn T1 nhận thức được điều đó, song để phục vụ cho nhu cầu nghiện của bản thân, các bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Bị cáo Trịnh Xuân T đã nhận số tiền 2.200.000 đồng của đối tượng tên Th (không rõ lai lịch) để mua 2,297g ma túy loại Methamphetamine giúp Thu và Đinh Văn T1 về sử dụng. Sau khi mua ma túy của đối tượng tên T2 (không rõ lai lịch), bị cáo đã tự thưởng công cho việc mua ma túy của mình nên yêu cầu đối tượng T2 phân 2,297 gam ma túy thành 02 gói. Một gói nhỏ có khối lượng 0,206 gam thì bị cáo cất giữ trong túi quần của bị cáo, còn 01 gói có khối lượng: 2,091 gam bị cáo giao cho T1. Hành vi của bị cáo là mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T1 là có cơ sở. Còn đối với Đinh Văn T1 thì sau khi nhận 2,297 gam ma túy từ T, bị cáo đã bỏ ma túy vào bao nylông có chứa bánh mì cột lại và giữ bên người, nhằm mang về giao lại cho Thu để cùng nhau sử dụng, lúc đi được một đoạn thì T1 chồm qua người T để treo lên xe mô tô thì bị bắt giữ. Hành vi này của bị cáo T là tàng trữ trái phép chất ma túy nên cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma tuý mà còn gây ảnh hưởng đến trí lực và sức khoẻ của con người.

[4]. Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, lẽ ra các bị cáo phải lao động chân chính để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng các bị cáo không ý thức được việc đó mà nghiện ngập và lao vào con đường phạm tội, nếu không có biện pháp cải tạo, giáo dục tốt thì dễ trở thành loại tội phạm chuyên nghiệp, gây nguy hiểm cho xã hội. Với nhân thân của các bị cáo như vậy thì cần phải tiếp tục cách ly ra khỏi sinh hoạt đời sống xã hội một thời gian để có biện pháp quản lý giáo dục cho các bị cáo tiến bộ như quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là thỏa đáng.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn rõ ràng, tỏ ra biết ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đinh Văn T1 được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do bản thân bị cáo T1 đã từng có thời gian phục vụ trong quân ngũ và gia đình có ông, bà tham gia cách mạng được Nhà nước trao tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất.

[5]. Do không xác minh được tài sản riêng của các bị cáo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[6]. Về xử lý vật chứng:

[6.1]. Đối với 01 (một) phong bì niêm phong số 21/GĐ-MT ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong có chứa 0,079 gam mẫu V; 1,606 gam mẫu N là khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2]. Đối với 01 (một) điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, gắn sim: 0905733191, số Imel: 359929071825407, Imel 2: 359930071825405 của Đinh Văn T1 có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6.3]. Đối với 01 (một) Chứng minh nhân dân số 201710348 mang tên Đinh Văn T1 do không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án quận S, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/5/2019).

[7]. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trịnh Xuân T, Đinh Văn T1, Cơ quan Công an thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[8]. Đối với đối tượng tên T2 (đã bán ma túy cho T) và Th (nhờ T mua ma túy), do chưa xác minh được nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn T2 tiếp tục tách ra, điều tra xử lý sau.

Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Trịnh Xuân T** phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*".

Bị cáo **Đinh Văn T1** phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Xuân T **03** *(Ba)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày (19/01/2019).

2/ Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T1 **02** *(Hai)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày (19/01/2019).

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

* Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 21/GĐ-MT ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong có chứa 0,079 gam mẫu V; 1,606 gam mẫu N là khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói.

* Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, gắn sim: 0905733191, số Imel: 359929071825407, Imel 2: 359930071825405 của Đinh Văn T1.

* Tuyên trả cho Đinh Văn T1 01 (một) Chứng minh nhân dân số 201710348 mang tên Đinh Văn T1.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án quận Sơn T2 , TP Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/5/2019).

4/ Án phí HSST: Các bị cáo Trịnh Xuân T và Đinh Văn T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận ;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh